| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN A**<br>TỈNH NGH AN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2023/ST – HNGĐ
Ngày 29 tháng 3 năm 2023
"V/v Yêu cầu ly hôn".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGH AN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**-** *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

**-** *Hội thẩm nhân dân:* Ông Thái Doãn Quỳnh và bà Phạm Thị Hồng Thảo.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Mạnh Cường **-** Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh NgH An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh NgH An tham gia phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Phương Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 29/3/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh NgH An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 134/2022/TLST – HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 10/3/2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị M –** Sinh năm: 1986

Nơi ĐHKTT: Thôn 8, xã H, huyện A, tỉnh NgH An

Trú tại: Thôn 5, xã C, huyện A, tỉnh NgH An– Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* **Anh Phạm Văn H** – Sinh năm: 1985

Trú tại: Thôn 8, xã H, huyện A, tỉnh NgH An – Vắng mặt không có lý do.

*3. Người làm chứng:* Chị Phạm Thị T – Sinh năm: 1991 - Trú tại: Thôn B, xã P, huyện A, tỉnh NgH An – Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn H kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh NgH An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đến năm 2019 phát sinh mâu Thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu Thuẫn do vợ chồng bất đồng

quan điểm trong cuốc sống, tính cách không hợp nhau, trong cuộc sống không có tiếng nói chung. Ngoài ra anh H có quan H với người phụ nữ khác. Do mâu Thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh H; Về con chung: Không có con chung; Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung gì và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Văn H vắng mặt nên không có ý kiến gì.*

*- Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng chị Phạm Thị T vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T đã trình bày:*

Anh Phạm Văn H là anh trai của chị T, chị M là là chị dâu. Anh H và chị M kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện A, tỉnh NgH An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì đến cuối năm 2019 phát sinh mâu Thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu Thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Do mâu Thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng anh H và chị M sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, thời gian đầu anh H về nhà chị T ở, tại thôn Bãi Lim, xã Phúc Sơn, huyện A, tỉnh NgH An, sau đó anh H đi vào miền Nam làm ăn. Tuy nhiên, khi đi miền Nam làm ăn sinh sống anh H có nói cho chị T biết nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể, từ khi đi đến nay thỉnh thoảng anh H có về thăm gia đình, còn bình thường liên lạc với chị T qua điện thoại. Nay chị M yêu cầu ly hôn thì anh H có biết vì khi Tòa án giao giấy tờ liên quan đến việc ly hôn cho anh H thì chị T nhận và đều thông báo cho anh H biết. Sau khi biết thông tin chị M yêu cầu ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M. Tuy nhiên, hiện tại do làm việc ở xa và không có điều kiện để về giải quyết vụ án được. Nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Về con chung: Vợ chồng anh H và chị M không có con chung; Về tài sản chung và nợ: Anh H và chị M không có tài sản chung gì và không nợ ai.

*- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, và xét xử. Bị đơn đã được tống đạt và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ. Như vậy, vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan H hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn H; Về nuôi con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ: Không có; Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng*:

Đây là vụ án "Ly hôn" mà bị đơn cư trú tại xã H, huyện A, tỉnh NgH An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh NgH An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Văn H vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ liên quan trong vụ án ly hôn giữa chị M và anh H cho chị Phạm Thị T là em gái của anh H nhận và chị T đã báo lại cho anh H biết. Mặc dù, anh H biết Tòa án đang giải quyết ly hôn theo yêu cầu của chị M nhưng anh H không có mặt và không cung cấp địa chỉ cư trú, nơi làm việc cho chị M và Tòa án biết. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt, còn chị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh NgH An quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

*[2] Về nội dung vụ án*:

*[2.1] Về quan H hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn H kết hôn với nhau vào năm 2018 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện A, tỉnh NgH An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến năm 2019 thì phát sinh mâu Thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu Thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Do mâu Thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị M yêu cầu được ly hôn với anh H.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững trên cơ sở cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng giữa chị M

và anh H đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó hôn nhân giữa chị M và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với ý kiến của anh H là đồng ý ly hôn với chị M.

*[2.2]. Về con chung:* Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn H không có con chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xét.

*[2.3]. Về tài sản chung và nợ*: Chị Nguyễn Thị M và anh Phạm Văn H không có tài sản chung gì và không nợ ai, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

*[2.4]. Về án phí:* Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên:**

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Áp dụng:** Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**2. Tuyên xử:**

***2.1. Về quan H hôn nhân***: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn H.

***2.2. Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0000220 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh NgH An).

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh NgH An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Lệ Hằng**

**Nơi nhận:**
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh NgH An;*
- *VKSND huyện A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *UBND xã C, huyện A, tỉnh NgH An(Nơi Đăng ký kết hôn);*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*